

DỰ THẢO 5**LUẬT
PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI (SỬA ĐỔI)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống mua bán người.*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi mua bán người và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người; điều kiện bảo đảm phòng, chống mua bán người; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống mua bán người.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Mua bán người* là việc tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác bằng cách sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

Việc tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 18 tuổi nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác được coi là mua bán người ngay cả khi việc này được thực hiện mà không sử dụng các thủ đoạn nêu trên.

2. *Bóc lột tình dục* là việc ép buộc người khác bán dâm, làm đối tượng để sản xuất ấn phẩm khiêu dâm, trình diễn khiêu dâm hoặc làm nô lệ tình dục hoặc các loại dịch vụ tình dục khác.

3. *Nô lệ tình dục* là việc một người do bị lệ thuộc mà buộc phải phục vụ nhu cầu tình dục của người khác.

4. *Cưỡng bức lao động* là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ.

5. *Nạn nhân* là người bị xâm hại bởi hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền xác định.

6. *Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân* là người có dấu hiệu bị xâm hại bởi các hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh để xác định nạn nhân.

7. *Người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân* là người có quan hệ với họ gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, dì ruột, cô ruột, cháu ruột.

8. *Thủ đoạn khác trong mua bán người* là lợi dụng việc môi giới hôn nhân, môi giới đưa người đi lao động ở nước ngoài; lợi dụng tình thế bị lệ thuộc; lợi dụng tình thế dễ bị tổn thương hoặc tình trạng quẫn bách của nạn nhân; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; bắt cóc; cho nạn nhân uống thuốc ngủ, thuốc gây mê, uống rượu, bia hoặc các chất kích thích mạnh khác làm nạn nhân lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi; đầu độc nạn nhân để thực hiện một trong các hành vi tại khoản 1 Điều này.

9. *Lấy bộ phận cơ thể* là lấy một phần của cơ thể được hình thành từ nhiều loại mô khác nhau để thực hiện các chức năng sinh lý nhất định của con người.

10. *Vì mục đích vô nhân đạo khác* là sử dụng nạn nhân để làm thí nghiệm, buộc nạn nhân phải đi ăn xin hoặc sử dụng nạn nhân vào các mục đích tàn ác khác.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Mua bán người theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật này.
2. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.
3. Tuyền mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Cưỡng bức hoặc môi giới người khác thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.
5. Đe dọa, trả thù nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người làm chứng, người báo tin, tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi quy định tại Điều này.
6. Dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi mua bán người.
7. Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật.
8. Cản trở việc giải cứu tiếp nhận, bảo vệ, xác minh, hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

9. Cản trở việc phát hiện, báo tin, tố giác, tố cáo, khai báo, ngăn chặn và xử lý hành vi quy định tại Điều này.

10. Kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

11. Tiết lộ thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

12. Giả mạo là nạn nhân.

13. Vi phạm quy định của pháp luật và quy định của Luật này khi tham gia công tác phòng, chống mua bán người.

14. Hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này.

Điều 4. Nguyên tắc phòng, chống mua bán người

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, pháp luật, tập quán quốc tế; thực hiện đúng các cam kết của Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế, thỏa thuận, điều ước quốc tế về phòng, chống mua bán người mà Việt Nam là thành viên ký kết, tham gia.

2. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này bảo đảm lấy nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân làm trung tâm; bảo đảm bình đẳng giới.

3. Giải cứu, tiếp nhận, bảo vệ, xác minh, hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân kịp thời, chính xác. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp, giữ bí mật thông tin và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống mua bán người.

5. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời, chính xác các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.

6. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, thỏa thuận, điều ước quốc tế về phòng, chống mua bán người.

7. Bảo đảm nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được sử dụng ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được và được hưởng các chế độ hỗ trợ phù hợp tín ngưỡng, tôn giáo của họ trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, đặc điểm cá nhân của họ.

8. Tùy từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật có liên quan, nạn nhân bị ép buộc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có thể không bị xử phạt hành chính hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về những hành vi này.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống mua bán người

1. Phòng, chống mua bán người là nội dung của chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm và được kết hợp với việc thực hiện các chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác, tài trợ cho hoạt động phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; khuyến khích cá nhân, tổ chức trong nước thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật.

3. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống mua bán người; bảo đảm chế độ, chính sách đối với người tham gia phòng, chống mua bán người bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Hằng năm, Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống mua bán người, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Bảo vệ và hỗ trợ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

6. Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong phòng, chống mua bán người; hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho người làm công tác phòng, chống mua bán người.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

1. Quyền của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

a) Đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ mình, người thân thích của mình khi bị xâm hại, đe dọa xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người;

b) Từ chối biện pháp bảo vệ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân mình (trừ trường hợp bị đe dọa, ép buộc từ chối) và chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân, người thân thích của mình khi từ chối biện pháp bảo vệ hoặc không chấp hành đầy đủ các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ;

c) Được thông tin về quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

d) Được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của Luật này hoặc từ chối nhận hỗ trợ;

đ) Được bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, nơi cư trú, làm việc và các thông tin khác theo quy định của pháp luật;

e) Được cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nạn nhân;

- g) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
- h) Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống mua bán người.

2. Nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

- a) Chấp hành đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong quá trình áp dụng các biện pháp bảo vệ;
- b) Cung cấp thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền;
- c) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm mua bán người;
- d) Thực hiện yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền liên quan đến vụ việc mua bán người;
- đ) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống mua bán người.

Chương II

PHÒNG NGỪA MUA BÁN NGƯỜI

Điều 7. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người

1. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong phòng, chống mua bán người, đề cao cảnh giác, tích cực tham gia phòng, chống mua bán người.

2. Nội dung thông tin, tuyên truyền, giáo dục bao gồm:

- a) Chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người;
- b) Thủ đoạn và tác hại của các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này;
- c) Kỹ năng ứng xử trong trường hợp có nghi ngờ về việc mua bán người;
- d) Biện pháp, kinh nghiệm phòng, chống mua bán người;
- đ) Trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống mua bán người;
- e) Chống kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;
- g) Chế độ, chính sách hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, cơ sở hỗ trợ nạn nhân; kết quả công tác điều tra, xử lý các vụ việc mua bán người theo quy định của pháp luật;
- h) Các nội dung khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người.

3. Việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

- a) Gặp gỡ, nói chuyện trực tiếp;
- b) Cung cấp tài liệu;
- c) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động thông tin cơ sở;
- d) Thông qua hoạt động ngoại khóa tại các cơ sở giáo dục;
- đ) Thông qua hoạt động văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và các loại hình văn hóa khác;
- e) Thông qua không gian mạng;
- g) Hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề; phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp;
- h) Tổ chức cuộc thi, chiến dịch truyền thông;
- i) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên ở cơ sở, huy động sự tham gia tích cực của các đoàn thể xã hội.

5. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục cần được tăng cường đối với phụ nữ, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, học sinh, sinh viên và những người cư trú tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và những địa bàn xảy ra nhiều vụ việc mua bán người.

Điều 8. Tư vấn về phòng ngừa mua bán người

1. Cung cấp kiến thức pháp luật về phòng, chống mua bán người.
2. Tư vấn về hướng nghiệp, việc làm, di cư an toàn; cung cấp thông tin về thủ đoạn mua bán người, kỹ năng xử lý trong trường hợp là nạn nhân bị mua bán và hướng dẫn kỹ năng ứng xử trong trường hợp có nghi ngờ về việc mua bán người.
3. Cung cấp thông tin về quyền, nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và hướng dẫn cách thức thực hiện các quyền, nghĩa vụ đó.

Điều 9. Quản lý về an ninh, trật tự

1. Quản lý đăng ký cư trú, quản lý xuất nhập cảnh trên địa bàn, nắm rõ biến động dân cư có liên quan đến hoạt động mua bán người.
2. Quản lý, giám sát các đối tượng có tiền án, tiền sự về mua bán người và các đối tượng khác có dấu hiệu thực hiện hành vi mua bán người.
3. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về căn cước, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, định danh, xác thực điện tử, các thông tin về tàng thư, lý lịch tư pháp phục vụ công tác phòng, chống mua bán người.
4. Tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các cửa khẩu, lối mở, khu vực biên giới, hải đảo và trên biển nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi mua bán

người; tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người trên không gian mạng.

5. Trang bị các phương tiện kỹ thuật tại các cửa khẩu quốc tế phục vụ cho việc nhận dạng người và phát hiện nhanh chóng, chính xác các loại giấy tờ, tài liệu giả mạo; nâng cấp các trang thiết bị kiểm soát, kiểm tra tại các chốt kiểm soát, cửa khẩu.

6. Quản lý công tác cấp giấy tờ tùy thân, giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc làm, cấp phát, quản lý và kiểm soát các loại giấy tờ tùy thân và giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nước có chung đường biên giới trong việc tuần tra, kiểm soát biên giới nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi mua bán người.

Điều 10. Quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ

Các hoạt động hỗ trợ kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, cho, nhận con nuôi, giới thiệu việc làm, đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, học tập ở nước ngoài, tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, dịch vụ văn hóa, du lịch và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ có điều kiện khác dễ bị lợi dụng để mua bán người phải được quản lý, kiểm tra, thanh tra thường xuyên, chặt chẽ nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý việc lợi dụng các hoạt động này để thực hiện hành vi mua bán người.

Điều 11. Quản lý hoạt động xuất nhập cảnh

Cơ quan và người có thẩm quyền trong hoạt động quản lý xuất nhập cảnh thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình có trách nhiệm chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi lợi dụng hoạt động xuất nhập cảnh, làm giả giấy tờ hoặc các thủ đoạn khác để thực hiện hành vi mua bán người.

Điều 12. Trao đổi thông tin để quản lý hoạt động xuất nhập cảnh

Cơ quan có thẩm quyền phòng, chống tội phạm mua bán người thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin về đối tượng có tiền án, tiền sự về mua bán người và các đối tượng khác có dấu hiệu thực hiện hành vi mua bán người cho Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển để thực hiện công tác phòng, chống mua bán người.

Việc trao đổi thông tin có thể được thực hiện qua môi trường điện tử, có thể tích hợp, ứng dụng với các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước, cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

Điều 13. Lồng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào chương trình phòng, chống tội phạm, phòng, chống tệ nạn xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ và chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm cá nhân tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Tham gia các hoạt động phòng ngừa mua bán người.
2. Kịp thời báo tin, tố giác, tố cáo hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.
3. Được bảo vệ khi tham gia phòng, chống mua bán người theo quy định của pháp luật.
4. Được khen thưởng, bảo đảm chế độ, chính sách khi bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Giáo dục, nhắc nhở thành viên trong gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người; cung cấp thông tin cho thành viên trong gia đình về thủ đoạn mua bán người và các biện pháp phòng, chống mua bán người.
2. Phối hợp với cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức và các đoàn thể xã hội trong phòng, chống mua bán người.
3. Chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân là thành viên của gia đình để họ hòa nhập cuộc sống gia đình và cộng đồng.
4. Động viên nạn nhân là thành viên của gia đình hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống mua bán người.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong việc tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục ngoại khóa về phòng, chống mua bán người phù hợp với các cấp học và trình độ đào tạo.
2. Tạo điều kiện thuận lợi để người học là nạn nhân học văn hóa, học nghề, tư vấn việc làm, hòa nhập cộng đồng.
3. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống mua bán người.

Điều 17. Trách nhiệm phòng ngừa mua bán người trong các tổ chức, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ

1. Các tổ chức, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ quy định tại Điều 10 Luật này có trách nhiệm:

- a) Cam kết chấp hành quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người;
- b) Nắm thông tin về đối tượng được cung cấp dịch vụ và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu để phối hợp quản lý;
- c) Ký hợp đồng lao động bằng văn bản với người lao động; đăng ký lao động với cơ quan quản lý lao động địa phương;
- d) Phối hợp, tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của tổ chức, cơ sở mình;
- đ) Phối hợp, tạo điều kiện trong thực hiện sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động tại tổ chức, cơ sở mình;
- e) Chủ động phòng ngừa, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu mua bán người.

2. Người lao động làm việc tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này phải chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng tham gia phòng ngừa mua bán người

- 1. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời, chính xác chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người; phản ánh trung thực về tình hình mua bán người và công tác phòng, chống mua bán người; nêu gương các điển hình tiên tiến trong phòng, chống mua bán người, mô hình phòng, chống mua bán người có hiệu quả.
- 2. Giữ bí mật thông tin, dữ liệu về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 3. Lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người với các chương trình thông tin, tuyên truyền khác.

Điều 19. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia phòng ngừa mua bán người

- 1. Giám sát, phản biện xã hội; tham gia giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người.
- 2. Tuyên truyền, khuyến khích, động viên thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 3. Kiến nghị những biện pháp cần thiết với cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người và quy định khác của pháp luật có liên quan; tham gia phòng, chống mua bán người, chăm sóc, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
- 4. Tư vấn và tham gia tư vấn về phòng, chống mua bán người.

5. Tham gia dạy nghề, tạo việc làm và các hoạt động hỗ trợ khác giúp nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

6. Phối hợp phòng, chống mua bán người theo quy định của Luật này.

Điều 20. Trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ và trẻ em nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người.

2. Tham gia xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên về phòng, chống mua bán người ở cơ sở.

3. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 19 của Luật này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Chương III

PHÁT HIỆN, XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Điều 21. Tổ giác, báo tin, kiến nghị khởi tố, tố cáo hành vi vi phạm

1. Cá nhân có quyền và nghĩa vụ tố giác, báo tin, tố cáo hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này với cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người hoặc với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào.

2. Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố, tố cáo về hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền để xử lý hoặc kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Phát hiện hành vi vi phạm thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thường xuyên tự kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; trường hợp phát hiện hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này thì nhanh chóng xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra chủ động phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời kiến nghị xử lý hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.

Điều 23. Phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm thông qua hoạt động nghiệp vụ phòng, chống tội phạm

Cơ quan, đơn vị, cá nhân trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ phòng, chống mua bán người có trách nhiệm thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này tại các địa bàn được phân công phụ trách.

2. Áp dụng biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để phát hiện, ngăn chặn các hành vi quy định tại các Điều 3 của Luật này.

3. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ cho việc phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi mua bán người.

4. Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người tố giác, người làm chứng, người thân thích của họ khi bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác.

Điều 24. Giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố hành vi phạm tội mua bán người; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người

1. Việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố hành vi phạm tội mua bán người được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người được thực hiện theo quy định của Luật Tố cáo.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Người thực hiện hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che, dung túng, xử lý không đúng hoặc không xử lý hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người giả mạo là nạn nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật còn phải hoàn trả khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.

Chương IV

TIẾP NHẬN, XÁC MINH, XÁC ĐỊNH VÀ BẢO VỆ NẠN NHÂN

Mục 1

TIẾP NHẬN, XÁC MINH NẠN NHÂN

Điều 26. Tiếp nhận, xác minh nạn nhân tự đến trình báo

1. Người nào có căn cứ cho rằng mình là nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của họ có căn cứ cho rằng họ là nạn nhân thì đến Ủy ban nhân dân cấp

xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất khai báo về việc bị mua bán. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận khai báo có trách nhiệm chuyển ngay người đó đến Ủy ban nhân dân cấp xã mà cơ quan, tổ chức có trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo ngay với Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận thực hiện việc hỗ trợ theo quy định.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận, hỗ trợ và phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp xác minh thông tin ban đầu trong trường hợp họ chưa có một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 32 của Luật này.

3. Sau khi tiếp nhận, xác minh thông tin ban đầu, nếu có đủ các giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân quy định tại Điều 32 của Luật này, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thực hiện việc hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn để trở về nơi cư trú trong trường hợp nạn nhân tự trở về nơi cư trú; đối với nạn nhân là trẻ em thì thực hiện hỗ trợ theo quy định của pháp luật về trẻ em và thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư trú; trường hợp nạn nhân cần được chăm sóc về sức khỏe, tâm lý và có nguyện vọng được lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân; nạn nhân là trẻ em không nơi nương tựa hoặc có căn cứ có thể gặp nguy hiểm khi đưa về nơi người thân thích cư trú thì làm thủ tục chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Trường hợp sau khi tiếp nhận, xác minh thông tin ban đầu, chưa có đủ giấy tờ, tài liệu chứng nhận là nạn nhân quy định tại Điều 32 của Luật này thì Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đề nghị cơ quan Công an cùng cấp tiến hành việc xác minh.

4. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cơ quan Công an cùng cấp có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn xác minh có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày. Trường hợp có đủ điều kiện xác định là nạn nhân thì cơ quan Công an đã tiến hành xác minh cấp giấy xác nhận nạn nhân cho họ.

5. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này thì được hưởng các chế độ, chính sách quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Tiếp nhận, xác minh nạn nhân được giải cứu

1. Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân có trách nhiệm thực hiện hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu, y tế, hỗ trợ chi phí phiên dịch cho họ trong trường hợp cần thiết và chuyển ngay người đó đến Cơ

quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện gần nơi họ được giải cứu.

Cơ quan giải cứu có trách nhiệm xác minh, cấp giấy xác nhận nạn nhân cho người được giải cứu. Trường hợp người được giải cứu chưa được xác nhận là nạn nhân do chưa có đủ cơ sở thì sau khi tiếp nhận, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh thông tin ban đầu, xác minh nạn nhân theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 26 của Luật này.

2. Sau khi tiếp nhận người được giải cứu, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thực hiện việc hỗ trợ các chế độ, chính sách đối với người được giải cứu theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26 của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân đang ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài), khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về người là nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan chức năng của Việt Nam ở trong nước trao đổi hoặc do chính họ, người biết việc đến trình báo, thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp có thông tin cho biết người đó chưa được giải cứu thì thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và tổ chức giải cứu nếu xác định nguồn thông tin có căn cứ.

b) Trường hợp người đó đã được giải cứu hoặc người tự khai là nạn nhân đến trình báo tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan, phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, y tế, hỗ trợ chi phí phiên dịch và cấp giấy xác nhận nạn nhân, giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định.

2. Ngay sau khi nhận được đề nghị xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, các cơ quan chức năng ở trong nước có trách nhiệm tổ chức xác minh, trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và phối hợp tổ chức cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa những người này về nước.

3. Trường hợp thỏa thuận quốc tế có quy định về việc trao đổi thông tin trực tiếp, hợp tác về phòng, chống mua bán người giữa cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế với các cơ quan chức năng của Việt Nam ở trong nước thì thực hiện theo khuôn khổ thỏa thuận quốc tế đó.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Tiếp nhận, xác minh nạn nhân từ nước ngoài trở về

1. Việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân từ nước ngoài trở về qua Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận và xử lý thông tin, tài liệu về nạn nhân và phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Công an trong việc xác minh nhân thân của nạn nhân, cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa họ về nước.

b) Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện việc tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân theo quy định, nếu họ có nguyện vọng tự trở về nơi cư trú thì hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn trong thời gian đi đường và hướng dẫn họ làm thủ tục nhận chế độ hỗ trợ quy định tại Luật này.

Trường hợp họ không có nơi cư trú hoặc có nguyện vọng được lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân thì chuyển giao họ cho những cơ sở này.

Nạn nhân là trẻ em thì thực hiện hỗ trợ theo quy định của pháp luật về trẻ em và thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích cư trú; nạn nhân là trẻ em không nơi nương tựa hoặc có căn cứ có thể gặp nguy hiểm khi đưa về nơi người thân thích cư trú thì làm thủ tục chuyển giao cho cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

c) Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì được hưởng các chế độ, chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Việc tiếp nhận nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài có đủ điều kiện trở về Việt Nam theo khuôn khổ thỏa thuận quốc tế song phương được thực hiện theo quy định của thỏa thuận quốc tế song phương đó.

3. Việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài tự trở về được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Tiếp nhận, xác minh và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam

1. Khi nhận được thông tin, tài liệu về người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức trong nước trao đổi hoặc do người biết việc đến trình báo, cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân bị giữ để xác minh, điều tra, giải cứu.

Trường hợp họ đã được giải cứu hoặc khai báo là bị mua bán tự trình báo thì Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển nơi giải cứu nạn nhân hoặc cơ quan Công an (cấp xã, huyện, tỉnh) nơi tiếp nhận người khai báo là bị mua bán thực hiện việc hỗ trợ theo quy định cho họ nếu thấy cần thiết và chuyển ngay họ đến Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi họ được giải cứu hoặc nơi gần nhất họ khai báo về việc bị mua bán.

Khi có đủ căn cứ xác định người được giải cứu, người tự trình báo là nạn nhân thì cơ quan giải cứu, cơ quan tiếp nhận trình báo cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán theo thẩm quyền trước khi chuyển giao.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện sau khi tiếp nhận người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam tiến hành hỗ trợ theo quy định và thông báo cho Cơ quan quản lý nhà nước về Ngoại vụ cấp tỉnh, Cơ quan quản lý nhà nước về Xuất nhập cảnh cấp tỉnh thực hiện các công việc để trao trả về nước mà họ là công dân hoặc thường trú.

3. Cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao khi nhận được công hàm của cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà nạn nhân là công dân (hoặc thường trú) trả lời đồng ý nhận trở về, kèm theo giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh đã được cấp cho nạn nhân, có trách nhiệm thống nhất với phía nước ngoài về các vấn đề để đưa nạn nhân về nước, sau đó thông báo bằng văn bản và chuyển giấy tờ xuất, nhập cảnh của nạn nhân cho Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an.

4. Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện cấp thị thực, chứng nhận tạm trú cho nạn nhân, thông báo kế hoạch đưa nạn nhân về nước cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh nơi đang lưu giữ nạn nhân; Công an cửa khẩu sân bay quốc tế hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu đường bộ nơi nạn nhân sẽ xuất cảnh; các tổ chức quốc tế (nếu có liên quan) để phối hợp đưa nạn nhân về nước.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh nơi lưu giữ nạn nhân chỉ đạo cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân đưa nạn nhân tới cửa khẩu và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đưa nạn nhân về nước.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NẠN NHÂN; GIẤY TỜ, TÀI LIỆU CHỨNG NHẬN NẠN NHÂN

Điều 31. Căn cứ để xác định nạn nhân

1. Một người có thể được xác định là nạn nhân khi có căn cứ xác định người đó là đối tượng bị xâm hại của hành vi quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật này.

2. Việc xác định nạn nhân phải dựa vào các nguồn tài liệu, chứng cứ sau:

- a) Tài liệu, chứng cứ do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp;
- b) Thông tin, tài liệu do cơ quan giải cứu nạn nhân cung cấp;
- c) Thông tin, tài liệu do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cung cấp;
- d) Tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cung cấp;

đ) Lời khai, tài liệu do nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ cung cấp;

e) Lời khai, tài liệu do người thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này cung cấp;

- g) Lời khai, tài liệu do những người biết sự việc cung cấp;
- h) Các thông tin, tài liệu hợp pháp khác.

3. Trường hợp cơ quan chức năng căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này nhưng chưa chứng minh được một người có phải là nạn nhân hay không, sau khi xác minh lý lịch, thời gian vắng mặt khỏi địa phương nơi họ cư trú, lý do vắng mặt phù hợp với lời khai của họ về việc là đối tượng của một trong những hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì xem xét các căn cứ sau để xác định họ là nạn nhân:

- a) Người đó được phát hiện, giải cứu cùng với nạn nhân khác;
- b) Người đó đã có thời gian chung sống cùng với nạn nhân tại nơi các đối tượng thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này giam giữ, quản lý và bị đối xử như những nạn nhân này;
- c) Biểu hiện về thể chất và tinh thần: Có dấu hiệu bị bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, bị đối xử tàn tệ, bị thương tích, sợ hãi, hoảng loạn, trầm cảm, ốm yếu theo xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- d) Thời gian người đó rời khỏi địa phương nơi cư trú thì thân nhân của họ trình báo cơ quan chức năng về việc họ bị mất tích hoặc là đối tượng của một trong những hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;
- đ) Những thông tin hợp pháp khác có cơ sở để tin rằng người đó là nạn nhân.

Điều 32. Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân

1. Giấy xác nhận của cơ quan Công an cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật này.
2. Giấy xác nhận của cơ quan giải cứu theo quy định tại Điều 27 của Luật này.
3. Giấy xác nhận của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.
4. Giấy xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.
5. Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân.

Mục 3

BẢO VỆ NẠN NHÂN, NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN VÀ NGƯỜI THÂN THÍCH CỦA HỌ

Điều 33. Giải cứu, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Khi có căn cứ để cho rằng một người bị mua bán thì cơ quan, đơn vị, cá nhân quy định tại Điều 23 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để giải cứu; trường hợp người đó bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản thì áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại Điều 35 Luật này.

Điều 34. Đối tượng bảo vệ

1. Nạn nhân.
2. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
3. Người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Điều 35. Các biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng

1. Trường hợp nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người tố cáo thì việc áp dụng các biện pháp bảo vệ đối với các đối tượng bảo vệ quy định tại Điều 34 Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.
2. Trường hợp nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người tham gia tố tụng hình sự thì việc áp dụng các biện pháp bảo vệ đối với các đối tượng bảo vệ quy định tại Điều 34 Luật này được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.
3. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì áp dụng các biện pháp bảo vệ:
 - a) Bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ khi họ có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe;
 - b) Các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản theo quy định của pháp luật.
4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 36. Bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Tòa án xem xét, quyết định việc xét xử kín, không công bố trên Công thông tin điện tử của Tòa án đối với vụ án mua bán người theo yêu cầu của nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân theo quy định của pháp luật.

Chương V**HỖ TRỢ NẠN NHÂN, NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN****Điều 37. Đối tượng và chế độ hỗ trợ**

1. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam thì tùy trường hợp quy

định tại các điều 38, 39, 40, 41, 42, 43 và 44 của Luật này được hưởng các chế độ hỗ trợ sau đây:

- a) Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại;
- b) Hỗ trợ y tế;
- c) Hỗ trợ tâm lý;
- d) Trợ giúp pháp lý;
- đ) Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn việc làm;
- e) Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn;
- g) Hỗ trợ chi phí phiên dịch;

2. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam, thì tùy trường hợp quy định tại các điều 38, 39, 40, 41 và 44 của Luật này được hưởng các chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều này.

3. Người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều này và theo quy định tại các điều 38, 39, 40, 41 và 44 của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết về các chế độ hỗ trợ; trình tự, thủ tục thực hiện chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Điều 38. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

1. Trong trường hợp cần thiết, nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về ăn, mặc và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc điểm về tín ngưỡng, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, đặc điểm cá nhân của họ.

2. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú được hỗ trợ các khoản chi phí đi lại và tiền ăn để trở về nơi cư trú.

Điều 39. Hỗ trợ y tế

Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cần được chăm sóc y tế để phục hồi sức khỏe thì được hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh.

Điều 40. Hỗ trợ tâm lý

1. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian chờ xác định là nạn nhân.

2. Nạn nhân được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Trường hợp nạn nhân không lưu trú

tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân thì được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian 90 ngày.

Điều 41. Trợ giúp pháp lý

1. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được hỗ trợ để làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, đăng ký khai sinh, làm thẻ căn cước, nhận chế độ hỗ trợ và được trợ giúp pháp lý bằng các hình thức tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng.

2. Trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 42. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn việc làm

1. Nạn nhân là người dưới 18 tuổi nếu tiếp tục đi học thì được hỗ trợ tiền học phí, tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập trong năm học đầu tiên và năm liền kề.

2. Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được xem xét hỗ trợ học nghề, tạo điều kiện để có việc làm, ổn định cuộc sống.

Điều 43. Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn

1. Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu.

2. Nạn nhân khi về nơi cư trú có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh được xem xét cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội với các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Hỗ trợ chi phí phiên dịch

1. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không biết, hiểu tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian làm các thủ tục xác minh là nạn nhân.

2. Nạn nhân không biết, hiểu tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Điều 45. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ

1. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân, tiếp nhận nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại theo quy định, hỗ trợ chi phí phiên dịch, hỗ trợ y tế cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho đến khi chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân trong trường hợp họ tự trở về nơi cư trú; hỗ trợ chi phí

phiên dịch cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; hỗ trợ y tế; hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn việc làm cho nạn nhân; trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.

3. Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế, hỗ trợ chi phí phiên dịch cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, tư vấn việc làm cho nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; phối hợp với Cơ quan quản lý nhà nước về Y tế cấp tỉnh, Cơ quan quản lý nhà nước về Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện hỗ trợ y tế cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và hỗ trợ học văn hóa, học nghề cho nạn nhân.

Điều 46. Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện các nhiệm vụ sau đây trong việc hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân:

a) Tiếp nhận và bố trí nơi lưu trú cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;

b) Thực hiện chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý chăm sóc, phục hồi, lập hồ sơ quản lý trường hợp, hỗ trợ chi phí phiên dịch phù hợp với đặc điểm về tín ngưỡng, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, đặc điểm cá nhân, nguyện vọng của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và khả năng đáp ứng của cơ sở;

c) Giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp cho nạn nhân;

d) Đánh giá khả năng hòa nhập cộng đồng của nạn nhân, cung cấp các thông tin về chính sách, chế độ, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng;

đ) Cung cấp thông tin cần thiết cho các cơ quan chức năng để đấu tranh phòng, chống hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này;

e) Phối hợp với các cơ quan có liên quan đưa nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về nơi cư trú;

g) Phối hợp với cơ quan Công an trong việc xác minh nạn nhân;

h) Phối hợp với các trung tâm trợ giúp pháp lý để thực hiện việc tư vấn pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

2. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân do tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập để tham gia thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với giấy phép thành lập; việc thành lập và hoạt động không sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Điều 47. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch về phòng, chống mua bán người.

2. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người.

3. Thực hiện công tác thống kê về phòng, chống mua bán người.

4. Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác phòng, chống mua bán người.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người.

6. Khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phòng, chống mua bán người.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người.

Điều 48. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người tại địa phương, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật này.

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Trong việc thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Đề xuất với Chính phủ việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống mua bán người, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế hoặc triển khai các hoạt động hợp tác có liên quan đến phòng, chống mua bán người;

b) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống mua bán người;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống mua bán người;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống mua bán người;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống mua bán người; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống mua bán người;

e) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người;

g) Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

2. Trong công tác đấu tranh phòng, chống mua bán người, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Bố trí lực lượng trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống mua bán người;

b) Thực hiện quản lý an ninh, trật tự để phòng ngừa mua bán người;

c) Chỉ đạo cơ quan Công an thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của Luật này;

d) Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm mua bán người, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, cơ sở dữ liệu về xuất nhập cảnh.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân ở địa bàn khu vực biên giới, hải đảo tham gia các hoạt động phòng, chống mua bán người.

2. Chỉ đạo lực lượng Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mua bán người tại khu vực biên giới và trên biển theo quy định của pháp luật, tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của Luật này.

3. Thực hiện quản lý an ninh, trật tự tại khu vực biên giới, hải đảo và trên biển để phòng ngừa mua bán người.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thuộc thẩm quyền.
2. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
3. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phòng, chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em; thực hiện công tác tiếp nhận thông tin, thông báo, tố cáo, tố giác về mua bán người tới Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống mua bán người.
4. Hướng dẫn cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
5. Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện việc hỗ trợ y tế và hỗ trợ học văn hóa, học nghề.
6. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác giới thiệu việc làm, đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.
7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở y tế thực hiện việc phối hợp với cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong hỗ trợ y tế cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
2. Hướng dẫn về chăm sóc, điều trị y tế, tâm lý đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chức năng và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai công tác phòng, chống mua bán người và thực hiện công tác bảo hộ đối với công dân Việt Nam là nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài; phối hợp kịp thời, chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước ngoài thực hiện giải cứu, tiếp nhận, xác định nạn nhân, đưa nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam về nước, đưa nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài về nước mà họ là công dân hoặc thường trú.
2. Chỉ đạo nghiên cứu các giải pháp phòng, chống mua bán người trong xây dựng chủ trương, chính sách về các vấn đề di cư quốc tế theo thẩm quyền.

3. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về phòng, chống mua bán người.

2. Tổ chức, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động hỗ trợ kết hôn, cho, nhận con nuôi nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.

4. Hướng dẫn các trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn.

5. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình văn hóa, du lịch, gia đình.

2. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch trong nước và quốc tế, hoạt động của cơ sở lưu trú du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.

3. Tổ chức, hướng dẫn việc tuyên truyền về phòng, chống mua bán người ở cơ sở và trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác để phù hợp với Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo việc lồng ghép kiến thức phòng, chống mua bán người vào chương trình học tập ngoại khóa phù hợp với yêu cầu của các cấp học và trình độ đào tạo, việc tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người cho người học.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 của Luật này.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc đưa người đi học tập ở nước ngoài nhằm phòng, chống việc lợi dụng hoạt động này để mua bán người.

Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 18 của Luật này theo thông tin, thông cáo báo chí của cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, thanh tra cơ sở cung cấp dịch vụ Internet nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng hoạt động này để mua bán người.

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì thực hiện đề xuất, bố trí bảo đảm kinh phí cho các hoạt động phòng, chống mua bán người vào dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan và các địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước trên cơ sở đề xuất kinh phí của các cơ quan và các địa phương.

Điều 59. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân

1. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong đấu tranh phòng, chống mua bán người.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì thực hiện việc thống kê tội phạm mua bán người và là cơ quan trung ương trong hoạt động tương trợ tư pháp hình sự về phòng, chống mua bán người.

Điều 60. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

- a) Triển khai việc thông tin, tuyên truyền về phòng, chống mua bán người;
- b) Lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- c) Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống mua bán người;
- d) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí thực hiện công tác phòng, chống mua bán người cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- đ) Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người;
- e) Tổ chức thực hiện công tác quản lý an ninh, trật tự để phòng, chống mua bán người;
- g) Cấp phép hoạt động các cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Cùng với việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm:

- a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn về phòng, chống mua bán người ở cơ sở;
- b) Tiếp nhận và thực hiện việc hỗ trợ cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của Luật này;
- c) Tạo điều kiện cho nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

Chương VII**HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI****Điều 61. Nguyên tắc hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người**

Nhà nước Việt Nam thực hiện điều ước quốc tế về phòng, chống mua bán người và điều ước quốc tế khác có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi; hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động phòng, chống mua bán người.

Điều 62. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người

1. Trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện chương trình hợp tác về phòng, chống mua bán người với cơ quan có liên quan của các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ và đào tạo về phòng, chống mua bán người.

2. Việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan của Việt Nam với các cơ quan có liên quan của nước ngoài để giải quyết vụ việc về mua bán người thực hiện theo quy định của các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong trường hợp Việt Nam và nước có liên quan không cùng tham gia điều ước quốc tế thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp tác quốc tế trên nguyên tắc có đi có lại, phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế.

Điều 63. Hợp tác quốc tế trong việc giải cứu và hồi hương nạn nhân

1. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện để các cơ quan chức năng của Việt Nam hợp tác với các cơ quan có liên quan của nước ngoài trong việc giải cứu, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán.

2. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi trong việc hồi hương nạn nhân là người nước ngoài trở về nước mà người đó có quốc tịch hoặc có nơi thường trú cuối cùng; áp dụng các biện pháp để việc hồi hương nạn nhân được tiến hành theo đúng pháp luật và thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với các nước, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Điều 64. Tương trợ tư pháp

Quan hệ tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước có liên quan được thực hiện trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó cùng là thành viên

hoặc trên nguyên tắc có đi có lại phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý

1. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 7 như sau:

“6a. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.”.

2. Bãi bỏ điểm g khoản 7 Điều 7.

Điều 66. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Luật Phòng, chống mua bán người số 66/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI